

**MUA [+26.9%]**

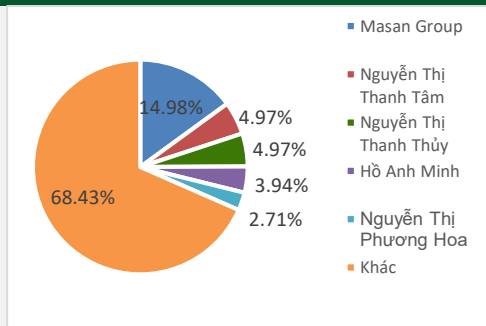
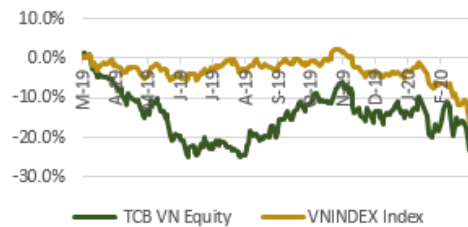
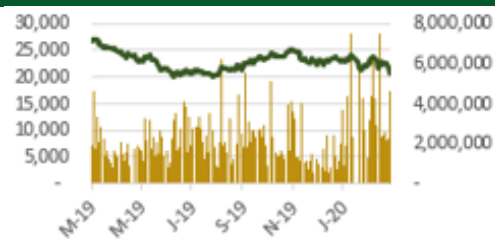
Ngày cập nhật: 12/03/2020

Giá mục tiêu	24,500	VNĐ
Giá hiện tại	19,300	VNĐ

**PHS**  
 (+82-28) 5 413 5479 – [support@phs.vn](mailto:support@phs.vn)

**Thông tin cổ phiếu**

CP đang lưu hành (triệu)	3,500
Free-float (triệu)	1,776
Vốn hóa (tỷ đồng)	67,553
KLGD TB 3 tháng	2,468,216
Sở hữu nước ngoài	23%
Ngày niêm yết đầu tiên	04/06/2018

**Cổ đông lớn**

**Biến động giá cổ phiếu so với Index**

**Diễn biến giao dịch**

**Hiệu quả hoạt động của ngân hàng được duy trì. Rủi ro tập trung vẫn còn hiện diện**
**Kết quả kinh doanh 2019:**

Kết thúc năm 2019, thu nhập lãi thuần của TCB ghi nhận 14,258 tỷ đồng (+28.1% YoY), hệ số NIM tiếp tục mở rộng và ghi nhận ở mức 4.54%, tăng từ 4.24% của năm 2018. LNST hợp nhất đạt 10,226 tỷ đồng (+20.4% YoY).

Tỷ lệ nợ xấu của TCB được kiểm soát ở mức thấp và giảm còn 1.33% so với 1.75% của năm trước. Đang chú ý tỷ lệ CASA của TCB tăng trưởng mạnh mẽ xấp xỉ đạt 33% - mức ghi nhận cao nhất trong các ngân hàng niêm yết.

**Dự báo 2020:**

Cho năm 2020, chúng tôi cho rằng tăng trưởng của TCB được dẫn dắt nhờ vào đà tăng của tín dụng và cải thiện hệ số NIM.

Trong đó chúng tôi cho rằng hệ số NIM sau giai đoạn sụt giảm của Q1 và Q2/2019 sẽ tiếp tục hồi phục trở lại nhờ vào sự cải thiện của các khoản cho vay bất động sản và chi phí vốn giảm nhờ vào nguồn CASA dồi dào.

Tăng trưởng tín dụng được kỳ vọng sẽ tiếp tục mở rộng cao hơn trung bình ngành nhờ vào vòng đệm vốn dày nhất hệ thống của TCB.

Dự phóng cho năm 2020, chúng tôi cho rằng thu nhập lãi thuần của TCB có thể đạt mức 17,133 tỷ đồng (+20.2% YoY). Hệ số NIM tiếp tục mở rộng lên mức 4.65% từ mức 4.54% của năm 2019. Qua đó lợi nhuận sau thuế của ngân hàng có thể đạt mức 12,047 tỷ đồng (+17.8% YoY).

**Định giá & khuyến nghị:**

Sử dụng phương pháp chiết khấu lợi nhuận thặng dư (Residual income), chúng tôi cho rằng mức giá hợp lý đối với cổ phiếu TCB là 24,500 VNĐ/CP, qua đó đưa ra khuyến nghị: Mua đối với cổ phiếu TCB, upside là 26.9%.

**Rủi ro:**

Rủi ro tập trung với các khách hàng là doanh nghiệp lớn vẫn còn là dấu hỏi với TCB.

Tín dụng tập trung chủ yếu vào chuỗi bất động sản với 77% tổng dư nợ - bao gồm từ khách hàng mua nhà cho đến nhà phát triển bất động sản là rủi ro lớn đối với TCB.

Ngoài ra tác động của dịch Covid-19 lên ngân hàng vẫn có thể xảy ra khiến cho tín dụng tăng chậm lại so với mục tiêu và gia tăng nợ xấu trong thời gian sắp tới.

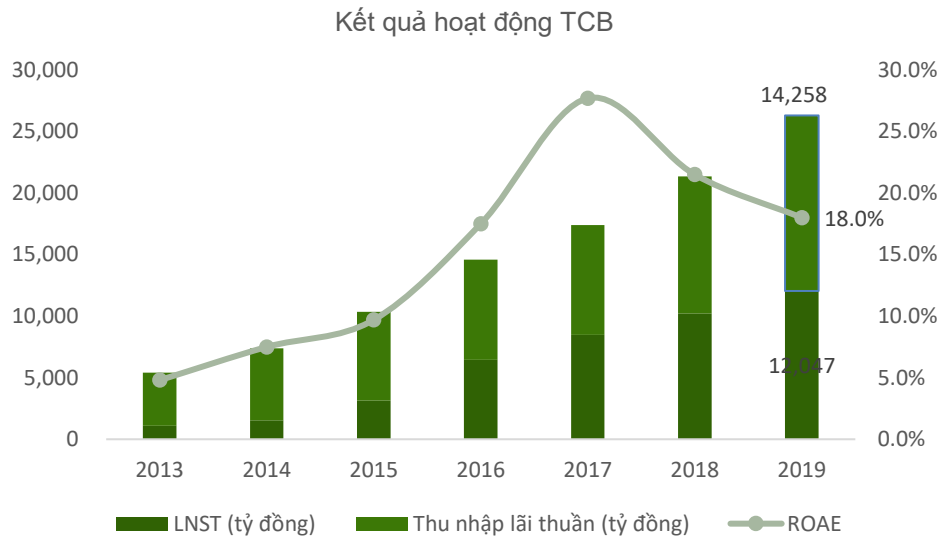
Nguồn: PHFM, Bloomberg

Đơn vị: tỷ VNĐ	2015	2016	2017	2018	2019F	2020F
Thu nhập lãi thuần	7,214	8,142	8,930	11,127	14,258	17,133
Lợi nhuận sau thuế	1,529	3,149	6,446	8,474	10,226	12,047
EPS (VNĐ)	1,718	3,538	5,531	2,423	2,922	3,442
Tăng trưởng EPS (%)	41%	191%	56%	31%	21%	42%
Giá trị sổ sách (VNĐ)	18,492	22,007	23,107	14,810	17,735	20,737
P/E				12.27	8.46	7.18
P/B				2.01	1.39	1.19
Cổ tức tiền mặt	42%	0%	45%	0%	0%	0%

(Nguồn: PHFM Research)

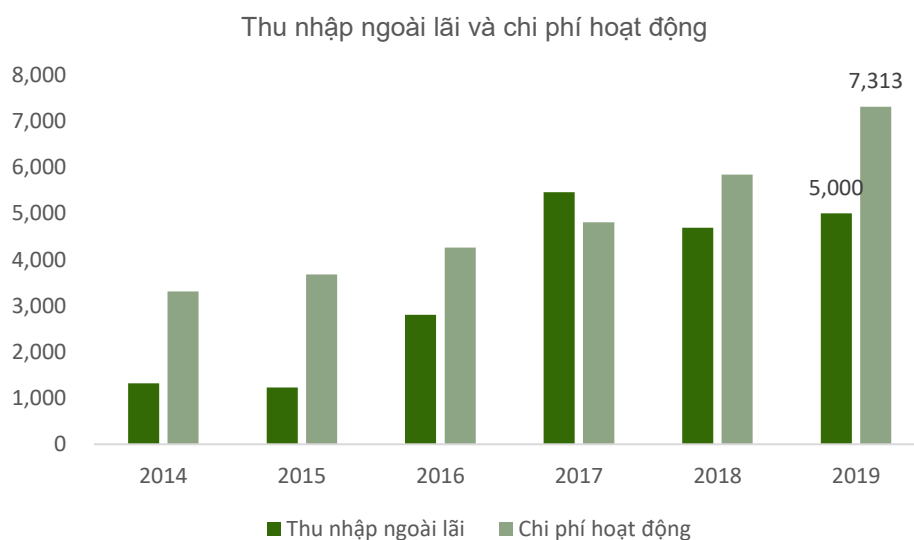
## KQKD tăng trưởng, tuy vậy đà tăng chậm lại do thu nhập ngoài lãi giảm

Kết thúc năm 2019, nhờ vào tín dụng tăng trưởng 20.41% và hệ số NIM mở rộng lên mức 4.54%, thu nhập lãi thuần của TCB tăng trưởng 28.1% và đạt mức 14,258 tỷ đồng. Tuy vậy lợi nhuận sau thuế của TCB tăng chậm hơn so với thu nhập lãi thuần và chỉ đạt mức 10,226 tỷ đồng (+20.2% YoY).



(Nguồn: TCB, PHFM)

Nguyên nhân lý giải là do thu nhập ngoài lãi tăng chậm lại so với cùng kỳ do TCB không còn ghi nhận khoản lợi nhuận bất thường từ việc ký kết hợp đồng bảo hiểm. Cùng với đó là chi phí hoạt động đã tăng mạnh 25.2% lên mức 7,313 tỷ đồng trong năm 2019.

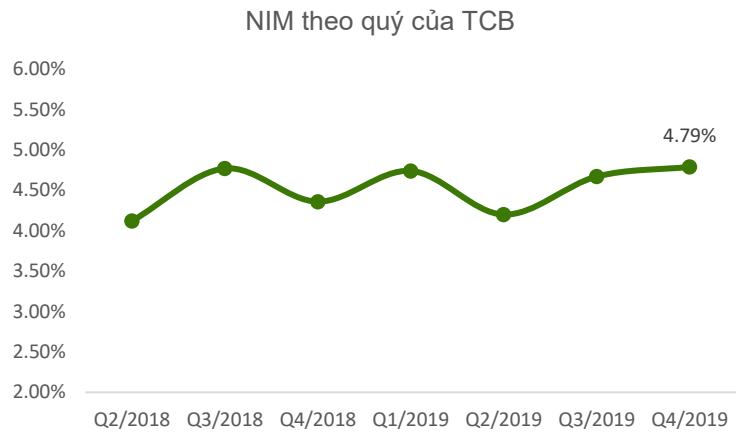


(Nguồn: TCB, PHFM)

## Hệ số NIM tiếp tục mở rộng sau giai đoạn có dấu hiệu suy yếu.

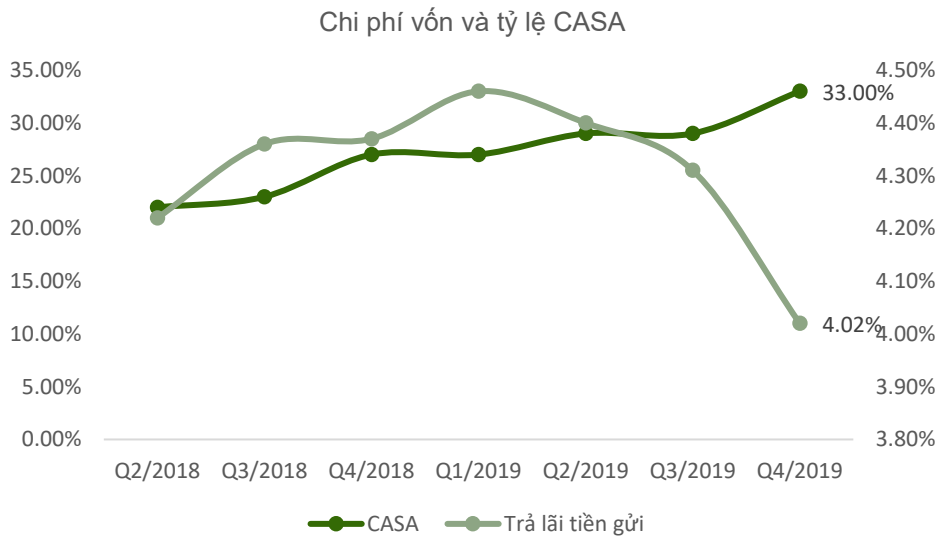
Trong nửa đầu 2019, hệ số NIM của TCB có dấu hiệu suy yếu, nguyên nhân có thể đến từ việc ngân hàng triển khai dịch vụ hoàn phí 1% cho thẻ tín dụng, cùng với đó là việc cho vay mua nhà với ưu đãi lãi suất trong năm đầu tiên.

Tuy nhiên chúng tôi cho rằng hệ số NIM của TCB sẽ tiếp tục được mở rộng trong giai đoạn sắp tới khi các khoản vay ưu đãi cho mua nhà bắt đầu hết hiệu lực giúp khả năng sinh lời cải thiện, cùng với đó là tỷ lệ CASA – thế mạnh của TCB, liên tục gia tăng trong thời gian qua sẽ giúp chi phí vốn phần nào hạ nhiệt.



(Nguồn: PHFM tổng hợp)

Với tỷ lệ CASA dẫn đầu hệ thống ngân hàng ở mức xấp xỉ 33% vào cuối 2019 nhờ vào nền tảng giao dịch vượt trội của mình cho phép TCB giảm chi phí vốn trong bối cảnh chi phí vốn của ngân hàng đang có xu hướng gia tăng, qua đó mở rộng hệ số NIM nhờ vào nguồn vốn giá rẻ.

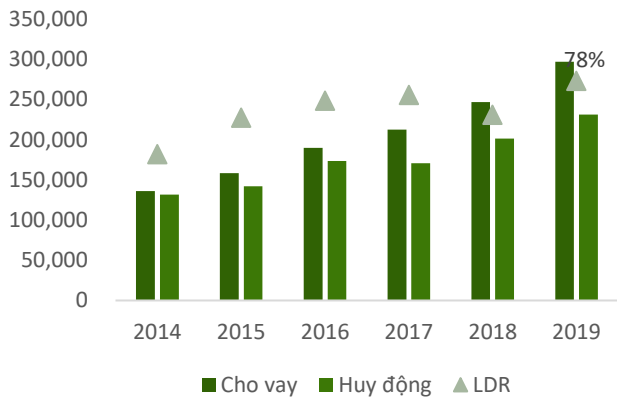


(Nguồn: TCB, PHFM)

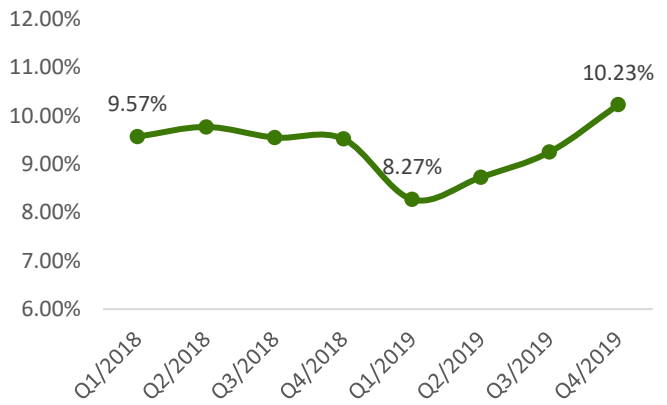
Thêm vào đó là tỷ lệ LDR vẫn được giữ vững ở mức tương đối an toàn là 78% gián tiếp tạo điều kiện cho TCB mở rộng hệ số NIM và vòng đệm vốn dày nhất toàn bộ hệ thống sẽ giúp cho ngân hàng giảm bớt áp lực huy động trong thời gian tới.

Cùng với đó, việc TCB đẩy mạnh cho vay khách hàng cá nhân với trọng tâm là cho vay bất động sản mua nhà sẽ giúp lợi suất sinh lời trên các khoản vay cải thiện mạnh mẽ. Trong năm 2020, theo chia sẻ từ ban lãnh đạo TCB, ngân hàng sẽ tiếp tục tăng mạnh 35% dư nợ cho vay khách hàng cá nhân mua nhà so với cùng kỳ.

Tỷ lệ LDR của TCB



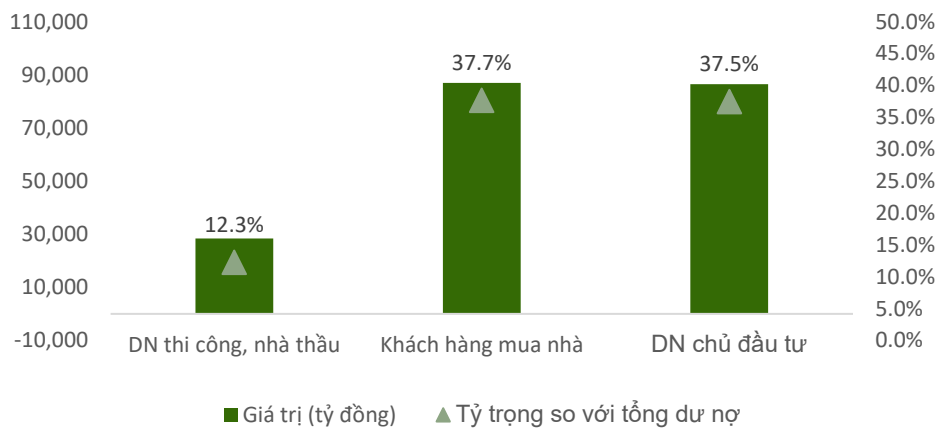
lãi suất trên các khoản cho vay



### Lo ngại về rủi ro tập trung liên quan đến ngành bất động sản

Tính đến cuối năm 2019, tổng dư nợ của TCB liên quan đến chuỗi bất động sản đạt 201,794 tỷ đồng, tương đương xấp xỉ 77.3% tổng dư nợ cho vay tại ngân hàng này (bao gồm cả trái phiếu doanh nghiệp). Chúng tôi cho rằng mức độ tập trung liên quan tới bất động sản như hiện tại đem lại rủi ro lớn cho TCB trong trường hợp thị trường bất động sản hoặc chu kỳ kinh tế gặp bất lợi.

Dư nợ cho vay liên quan tới bất động sản theo khách hàng



(Nguồn : TCB, PHFM)

Đặc biệt trong năm 2020, như đã đề cập ở trên, TCB dự tính sẽ tăng dư nợ cho vay đối với khách hàng mua nhà lên 35% tương đương với khoảng 30,400 tỷ đồng, trong đó tăng trưởng tín dụng của ngân hàng được kỳ vọng sẽ ở mức 15% đến 16% - tương ứng với dư nợ tăng thêm là 39,000 tỷ đồng. Do đó chúng tôi nhận thấy rủi ro tập trung liên quan đến mảng bất động sản đang ngày càng trầm trọng hơn cho TCB.

Trong khi đó mặc dù tỷ lệ nợ xấu của TCB cải thiện và chỉ ghi nhận ở mức 1.33% so với 1.75% của 2018, tuy nhiên việc tỷ lệ LLR ghi nhận ở mức 95% cùng với đó là chi phí dự phòng cho rủi ro chỉ ghi nhận khoảng hơn 900 tỷ - tương ứng 1.26% tổng dư nợ, đặc biệt là với mảng bất động sản có thể chưa phản ánh hết mức độ rủi ro của ngân hàng trong hiện tại. Do đó chúng tôi lo ngại khả năng ngân hàng có thể hình thành nợ xấu và gia tăng chi phí cho trích lập dự phòng trở lại.

## Chi tiết định giá và khuyến nghị

Đvt : tỷ đồng	2016	2017	2018	2019E	2020E
Thu nhập lãi thuần	8,142	8,930	11,127	14,258	17,133
%YoY	13%	10%	25%	28%	20%
Lợi nhuận trước thuế	3,997	8,036	10,661	12,838	15,059
%YoY	96%	101%	33%	20%	17%
Lợi nhuận sau thuế	3,149	6,446	8,474	10,226	12,047
Tỷ lệ thu nhập lãi thuần/ Tổng thu nhập HĐ	68%	54%	61%	68%	69%
Tỷ lệ chi phí hoạt động/ Tổng thu nhập HĐ	36%	29%	32%	35%	34%
Tỷ lệ trích Dự phòng/ Tổng thu nhập HĐ	31%	22%	10%	4%	5%

(Nguồn: PHFM dự phóng)

Trong năm 2020, chúng tôi kỳ vọng thu nhập lãi thuần của TCB sẽ đạt mức 17,133 tỷ đồng (+20% YoY). Hệ số NIM được cải thiện và tăng thêm 11 điểm cơ bản lên mức 4.65%, qua đó LNST của ngân hàng cán mốc 12,047 tỷ đồng (+17.8% YoY). EPS và BVPS forward 2020 của ngân hàng ước tính lần lượt ở mức 3,442 VND/CP và 18,244 VND/CP.

Sử dụng phương pháp định giá chiết khấu lợi nhuận thặng dư, chúng tôi cho rằng mức giá hợp lý đối với TCB là 24,583 VND/CP, tương ứng mức P/E và P/B forward 2019 lần lượt là 7.1x và 1.1x, từ đó chúng tôi đưa ra khuyến nghị : Mua đối với cổ phiếu TCB với mức tăng trưởng là 27.9%.

Định giá theo thu nhập thặng dư					
Các tiêu chí	2019F	2020F	2021F	2022F	2023F
Beta	0.88				
Chi phí VCSH	12.3%	12.3%	12.3%	12.3%	12.3%
Tăng trưởng dài hạn sau 2023					1%
(tỷ đồng)					
Lợi nhuận ròng	12,047	13,050	14,098	15,790	17,265
Thu nhập thặng dư	4,114	3,774	3,156	3,047	2,506
Giá trị hiện tại của Thu nhập thặng dư (5 năm)	3,648	2,967	2,200	1,883	13,150
Giá trị cuối cùng					21,486
Tổng giá trị hiện tại của dòng thu nhập thặng dư	23,848				
Vốn chủ sở hữu	62,073				
Cổ phiếu lưu hành (triệu cổ phiếu)	3,500				
<b>Giá mục tiêu</b>	<b>24,548</b>				

(Nguồn : PHFM dự phóng)

Các giả định trên của chúng tôi chưa tính đến tác động của dịch Covid-19 lên TCB, tuy nhiên trong trường hợp xấu hơn chúng tôi cho rằng rủi ro đối với TCB có thể sẽ đến từ việc tín dụng tăng chậm lại, hệ số NIM co hẹp cùng với đó là nợ xấu gia tăng trong bối cảnh dịch bệnh còn nhiều biến động khó lường.

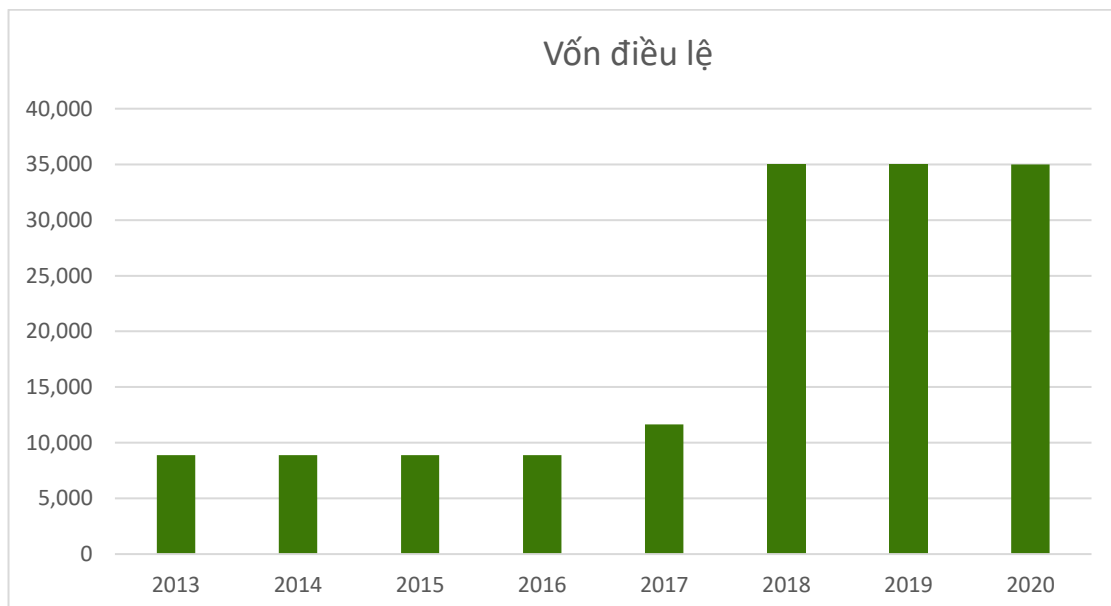
## Sơ lược công ty

Techcombank được thành lập năm 1993, trong bối cảnh nền kinh tế đang chuyển mình từ chế độ kinh tế tập trung sang nền kinh tế thị trường. Tại thời điểm đó, Việt Nam thực hiện nhiều cải cách và đã cho thấy những thay đổi kinh tế ngoạn mục, trong đó nổi bật là tăng trưởng GDP đã tăng gấp hai lần trong thập kỷ trước.

Với số vốn điều lệ ban đầu chỉ 20 tỷ Việt Nam đồng, Techcombank hôm nay đã trở thành ngân hàng lớn hàng đầu về vốn điều lệ. Sự thành công của chúng tôi đến từ chiến lược tập trung giải quyết nhu cầu luôn thay đổi của khách hàng. Đến nay, Techcombank đã cung cấp nhiều loại sản phẩm, dịch vụ đa dạng cho hơn 6 triệu khách hàng cá nhân và doanh nghiệp tại Việt Nam.



## Quá trình tăng vốn (tỷ VNĐ)



(Nguồn: TCB, PHFM)

**Báo cáo tài chính (tỷ VNĐ)**

Kết quả kinh doanh	2015A	2016A	2017A	2018E	2019E	2020E	2021E
<b>Thu nhập lãi</b>	<b>13,379</b>	<b>15,736</b>	<b>17,595</b>	<b>21,150</b>	<b>25,016</b>	<b>29,543</b>	<b>33,782</b>
Chi phí lãi	(6,166)	(7,594)	(8,664)	(10,024)	(10,759)	(12,410)	(14,884)
<b>Thu nhập lãi thuần</b>	<b>7,214</b>	<b>8,142</b>	<b>8,930</b>	<b>11,127</b>	<b>14,258</b>	<b>17,133</b>	<b>18,898</b>
Thu nhập ngoài lãi	2,130	3,776	7,529	7,224	6,811	7,554	8,820
<b>Tổng thu nhập hoạt động</b>	<b>9,344</b>	<b>11,919</b>	<b>16,458</b>	<b>18,350</b>	<b>21,068</b>	<b>24,687</b>	<b>27,718</b>
Chi phí hoạt động	(3,679)	(4,261)	(4,812)	(5,843)	(7,313)	(8,361)	(9,738)
<b>Lợi nhuận thuần trước dự phòng</b>	<b>5,665</b>	<b>7,658</b>	<b>11,646</b>	<b>12,507</b>	<b>13,756</b>	<b>16,326</b>	<b>17,980</b>
Chi phí dự phòng	(3,628)	(3,661)	(3,609)	(1,846)	(917)	(1,267)	(1,667)
<b>Tổng lợi nhuận trước thuế</b>	<b>2,037</b>	<b>3,997</b>	<b>8,036</b>	<b>10,661</b>	<b>12,838</b>	<b>15,059</b>	<b>16,313</b>
Chi phí thuế	(508)	(848)	(1,591)	(2,187)	(2,612)	(3,012)	(3,263)
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>1,529</b>	<b>3,149</b>	<b>6,446</b>	<b>8,474</b>	<b>10,226</b>	<b>12,047</b>	<b>13,050</b>

Cân đối kế toán	2015A	2016A	2017A	2018E	2019E	2020E	2021E
Tiền và tương đương tiền	2,754	2,957	2,344	2,606	4,821	14,317	3,725
Tiền gửi tại NHNN	2,677	2,534	4,279	10,555	3,192	3,192	3,511
Tiền gửi tại các TCTD	14,763	21,599	30,156	35,559	47,990	52,789	58,068
Đầu tư ngắn hạn	1,876	8,025	6,794	7,572	10,042	10,042	11,548
Cho vay Khách hàng	112,180	142,616	160,849	159,939	230,802	265,422	305,235
Dự phòng rủi ro cho vay	(1,167)	(1,495)	(1,885)	(2,385)	(2,917)	(3,182)	(3,655)
Chứng khoán đầu tư	45,017	45,675	51,542	86,512	66,055	73,982	82,860
Góp vốn, đầu tư dài hạn	597	578	10	12	12	12	12
Tài sản cố định	538	577	570	788	793	867	910
Tài sản khác	12,384	11,275	13,780	18,898	20,495	21,553	24,607
<b>Tổng cộng tài sản</b>	<b>191,994</b>	<b>235,363</b>	<b>269,392</b>	<b>320,989</b>	<b>383,699</b>	<b>439,925</b>	<b>487,752</b>
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>175,536</b>	<b>215,777</b>	<b>242,462</b>	<b>269,206</b>	<b>321,627</b>	<b>367,343</b>	<b>402,131</b>
Nợ Chính phủ & NHNN	0	1,448	1,000	6,025	0	7,230	7,953
Tiền vay của các TCTD	20,746	24,886	46,324	36,426	61,267	67,394	68,742
Tiền gửi của khách hàng	142,240	173,449	170,971	201,415	231,297	262,240	292,796
Giấy tờ có giá	8,134	10,415	17,640	13,178	17,461	17,131	17,988
Các khoản nợ khác	4,416	5,579	6,527	12,163	11,603	13,348	14,652
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>16,458</b>	<b>19,586</b>	<b>26,931</b>	<b>51,783</b>	<b>62,073</b>	<b>72,582</b>	<b>85,621</b>
<b>Tổng nguồn vốn</b>	<b>191,994</b>	<b>235,363</b>	<b>269,392</b>	<b>320,989</b>	<b>439,925</b>	<b>487,752</b>	<b>547,342</b>

Lưu chuyển tiền tệ	2015A	2016A	2017A	2018A	2019A	2020E	2021E
Tiền thuần từ HĐ Kinh doanh	(1,203)	34,430	23,949	24,419	77,827	10,811	(766)
Tiền thuần từ HĐ Đầu tư	(1,298)	(1,539)	(915)	(631)	23,191	(4,897)	(43)
Tiền thuần HĐ Tài chính	(3,723)	0	(5,213)	0	22,630	6,278	1,185
<b>Tiền thay đổi trong kỳ</b>	<b>(6,225)</b>	<b>32,891</b>	<b>17,822</b>	<b>23,788</b>	<b>123,649</b>	<b>12,191</b>	<b>376</b>
Tiền mặt đầu năm	87,065	80,883	113,815	131,707	131,707	155,545	167,736
<b>Tiền mặt cuối năm</b>	<b>80,883</b>	<b>113,815</b>	<b>131,707</b>	<b>155,545</b>	<b>255,356</b>	<b>167,736</b>	<b>168,112</b>

Chỉ tiêu tăng trưởng	2015A	2016A	2017A	2018A	2019A	2020E	2021E
Tăng trưởng tín dụng	16.2%	19.9%	12.0%	16.1%	20.4%	14.3%	14.3%
Tăng trưởng huy động tiền gửi	8.0%	21.9%	-1.4%	17.8%	14.8%	13.4%	11.7%
Tăng trưởng thu nhập lãi thuần	22.9%	12.9%	9.7%	24.6%	28.1%	20.2%	10.3%
Tăng trưởng thu nhập ngoài lãi	87.5%	77.3%	99.4%	-4.1%	-5.7%	10.9%	16.8%
Tăng trưởng thu nhập hoạt động	33.4%	27.6%	38.1%	11.5%	14.8%	17.2%	12.3%
Tăng trưởng lợi nhuận trước thuế	43.8%	96.2%	101.1%	32.7%	20.4%	17.3%	8.3%
Tăng trưởng tổng tài sản	-11.7%	10.7%	9.1%	22.6%	14.5%	19.2%	19.5%

Chỉ số tài chính	2015A	2016A	2017A	2018A	2019A	2020E	2021E
<b>Khả Năng Sinh Lãi</b>							
Tỷ trọng thu nhập lãi thuần	77.2%	68.3%	54.3%	60.6%	69.4%	68.2%	67.6%
Tỷ trọng thu nhập ngoài lãi	22.8%	31.7%	45.7%	39.4%	30.6%	31.8%	32.4%
Tỷ suất LN ròng	16.4%	26.4%	39.2%	46.2%	48.8%	47.1%	45.3%
ROAA	0.8%	1.5%	2.6%	2.87%	3.2%	2.8%	2.7%
ROAE	9.7%	17.5%	27.7%	21.53%	19.4%	16.5%	15.2%

<b>Chỉ số riêng</b>							
Tỷ lệ Chi Phí/ Thu nhập HĐ (CIR)	39.4%	35.7%	29.2%	31.8%	33.9%	35.1%	37.5%
Tỷ lệ cho vay/ Tiền gửi (LDR) (*)	65.0%	71.0%	73.0%	66.0%	80.0%	83.0%	85.0%
Tỷ lệ thu nhập lãi cận biên (NIM)	4.4%	4.2%	3.9%	4.2%	4.7%	4.5%	4.4%
Tỷ lệ thu nhập ngoài lãi cận biên (NNIM)	1.3%	2.0%	3.3%	2.8%	2.1%	2.1%	2.1%
Tỷ lệ tiền gửi không kỳ hạn (CASA)	18.8%	20.7%	22.4%	27.1%	32.9%	32.9%	32.9%
Tỷ lệ nợ xấu (NPL)	1.7%	1.6%	1.6%	1.75%	1.3%	1.3%	1.3%
Tỷ lệ quỹ DPRR/Nợ xấu (LLR)	63.0%	67.0%	73.0%	85.0%	90.0%	90.0%	90.0%
Tỷ lệ quỹ DPRR/Dư nợ cho vay KH	1.0%	1.1%	1.2%	1.5%	1.2%	1.2%	1.2%

(\*) Tỷ lệ LDR được tính theo thông tư 36 NHNN

(Nguồn: PHS Research)



## **Đảm bảo phân tích**

Báo cáo được thực hiện bởi Phạm Văn Tuấn, chuyên viên phân tích – Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này.

## **Định nghĩa xếp loại**

Mua = cao hơn thị trường nội địa trên 10%

Giữ = bằng thị trường nội địa với tỉ lệ từ +10%~ -10%

Bán = thấp hơn thị trường nội địa dưới 10%.

Không đánh giá = cổ phiếu không được xếp loại trong Phú Hưng hoặc chưa niêm yết.

Biểu hiện được xác định bằng tổng thu hồi trong 12 tháng (gồm cả cổ tức).

## **Miễn trách**

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng/Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng không chịu trách nhiệm về sự hoàn chỉnh hay tính chính xác của báo cáo. Đây không phải là bản chào hàng hay sự nài khẩn mua của bất cứ cổ phiếu nào. Chứng khoán Phú Hưng/Quản lý Quỹ Phú Hưng và các chi nhánh và văn phòng và nhân viên của mình có thể có hoặc không có vị trí liên quan đến các cổ phiếu được nhắc tới ở đây. Chứng khoán Phú Hưng/Quản lý Quỹ Phú Hưng (hoặc chi nhánh) đôi khi có thể có đầu tư hoặc các dịch vụ khác hay thu hút đầu tư hoặc các hoạt động kinh doanh khác cho bất kỳ công ty nào được nhắc đến trong báo cáo này. Tất cả các ý kiến và dự đoán có trong báo cáo này được tạo thành từ các đánh giá của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Phú Hưng vào ngày này và có thể thay đổi không cần báo trước.

## **© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS).**

Tòa nhà CR3-03A, Tầng 3, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479

Fax: (+84-28) 5 413 5472

Customer Service: (+84-28) 5 411 8855

Call Center: (+84-28) 5 413 5488

E-mail: [info@phs.vn](mailto:info@phs.vn) / [support@phs.vn](mailto:support@phs.vn)

Web: [www.phs.vn](http://www.phs.vn)

### **PGD Phú Mỹ Hưng**

Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên, P.

Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5478

Fax: (+84-28) 5 413 5473

### **Chi nhánh Quận 3**

Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam,

157 Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp.

HCM

Điện thoại: (+84-28) 3 820 8068

Fax: (+84-28) 3 820 8206

### **Chi Nhánh Thanh Xuân**

Tầng 1, Tòa nhà 18T2, Lê Văn Lương,

Trung Hòa Nhân Chính, Quận Thanh Xuân,

Hà Nội.

Phone: (+84-24) 6 250 9999

Fax: (+84-24) 6 250 6666

### **Chi nhánh Tân Bình**

Tầng trệt, P. G.4A, Tòa nhà E-Town 2,

364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận Tân

Bình, Tp.HCM.

Điện thoại: (+84-28) 3 813 2405

Fax: (+84-28) 3 813 2415

### **Chi Nhánh Hà Nội**

Tầng 3, Tòa nhà Naforimex,

19 Bà Triệu, Q. Hoàn Kiếm, Hà

Nội

Phone: (+84-24) 3 933 4560

Fax: (+84-24) 3 933 4820

### **Chi nhánh Hải Phòng**

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo,

Quận Hồng Bàng, Hải Phòng

Phone: (+84-225) 384 1810

Fax: (+84-225) 384 1801